

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY
TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY

TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lợc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Lê Duy Cừ	Chủ tịch	26/4/2018	
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên	26/4/2018	
Ông Phạm Ngọc Quang	Thành viên	31/10/2019	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng ban	26/4/2018	
Ông Trịnh Giang Nam	Thành viên	26/4/2018	
Bà Phan Thị Vân Hà	Thành viên	31/10/2019	
<u>Ban Giám đốc</u>			
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc	26/4/2018	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	22/4/2016	
Ông Võ Trị	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	15/5/2017	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Phước Vĩnh Khải - Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 15 tháng 3 năm 2021

12
C
M
E
/

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm điện lực Khánh Hòa, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm điện lực Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



Nguyễn Thị Thơm - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1



Lê Thị Bích Ngọc - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

1817-2018-037-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.878.786.821	20.817.122.699
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.243.947.899	6.131.260.063
Tiền	111		7.243.947.899	6.131.260.063
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.120.582.605	7.439.104.789
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.629.914.351	7.146.353.380
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	111.720.000	670.311.273
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	326.221.159	373.939.139
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.947.272.905)	(751.499.003)
IV. Hàng tồn kho	140		7.353.864.977	6.684.491.140
1. Hàng tồn kho	141	V.6	7.353.864.977	6.684.491.140
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		160.391.340	562.266.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	160.391.340	299.890.941
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	262.375.766
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.542.720.906	18.087.094.160
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.338.000	18.338.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	18.338.000	18.338.000
II. Tài sản cố định	220		15.365.212.973	17.360.786.773
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	12.916.903.047	14.848.884.383
Nguyên giá	222		47.274.969.984	46.928.576.541
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.358.066.937)	(32.079.692.158)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.448.309.926	2.511.902.390
Nguyên giá	228		3.309.623.271	3.309.623.271
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(861.313.345)	(797.720.881)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		159.169.933	707.969.387
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	159.169.933	707.969.387
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35.421.507.727	38.904.216.859

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.346.177.268	10.692.652.687
I. Nợ ngắn hạn	310		5.346.177.268	10.692.652.687
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.290.252.201	976.238.107
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	627.438.350	2.512.090.005
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	740.870.228	250.738.844
4. Phải trả người lao động	314		980.704.729	107.332.849
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	96.141.083
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	706.255.954	725.879.798
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	-	5.822.326.777
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	655.806	201.905.224
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.075.330.459	28.211.564.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	30.075.330.459	28.211.564.172
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.525.124.212	12.525.124.212
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.550.206.247	686.439.960
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		2.550.206.247	686.439.960
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.421.507.727	38.904.216.859

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.18	2.042.891.888	2.042.891.888

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc

Võ Trí
Kế toán trưởng

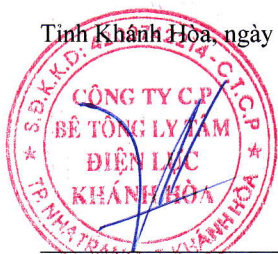
Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	51.477.137.502	48.447.588.164
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	182.278.176	14.075.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51.294.859.326	48.433.513.164
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	41.404.625.274	41.716.517.735
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.890.234.052	6.716.995.429
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10.486.973	5.704.126
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	71.385.821	265.766.695
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.385.821	265.766.695
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	3.374.426.214	3.106.031.861
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3.420.837.968	2.071.251.757
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.034.071.022	1.279.649.242
11. Thu nhập khác	31		36.833	27.170.050
12. Chi phí khác	32		672.824	65.826.156
13. Lợi nhuận khác	40	VI.8	(635.991)	(38.656.106)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.033.435.031	1.240.993.136
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	483.228.784	354.553.176
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.550.206.247	886.439.960
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	1.700	500
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	1.700	500

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
 Giám đốc

Võ Trí
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Loan
 Người lập biểu

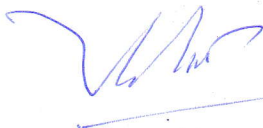
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.033.435.031	1.240.993.136
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.341.967.243	2.471.419.431
- Các khoản dự phòng	03		1.195.773.902	(1.919.073.279)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.486.973)	(5.704.126)
- Chi phí lãi vay	06		71.385.821	265.766.695
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.632.075.024	2.053.401.857
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.122.558.904	3.522.745.091
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(669.373.837)	1.119.991.998
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		568.899.561	(5.758.195.183)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		688.299.055	509.343.154
- Tiền lãi vay đã trả	14		(71.385.821)	(197.845.222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(112.651.803)	(394.570.494)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(137.500.000)	(960.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.020.921.083	(105.428.799)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(346.393.443)	(207.729.274)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.486.973	5.704.126
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(335.906.470)	(202.025.148)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	11.192.081.354
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.822.326.777)	(7.473.637.492)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(750.000.000)	(2.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.572.326.777)	1.018.443.862
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.112.687.836	710.989.915
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.131.260.063	5.420.270.148
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	7.243.947.899	6.131.260.063

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2021


Nguyễn Phước Vĩnh Khải
 Giám đốc


Võ Trị
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Tuyết Loan
 Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần bê tông ly tâm điện lực Khánh Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703000358 ngày 19 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ ba số 4200742214 vào ngày 20 tháng 5 năm 2011.

Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch trên sàn UpCom theo quyết định số 11/QĐ-SGDHN ngày 12/1/2011 và chính thức đưa cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch từ ngày 08/02/2011 với mã cổ phiếu là KCE với số lượng 1.500.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 15.000.000.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 15.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 1.500.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : 0258 6256 699
- Fax : 0258 6251 235
- Mã số thuế : 4200742214

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay là: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 75 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 83 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ mười ba của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, chi phí phát triển và nghiên cứu, bằng sáng chế và thương hiệu và phần mềm kế toán/ máy tính.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.. và do cổ đông sáng lập góp vốn. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính 7 năm.

Bản Thuyết minh này là một phần hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê đất, khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí thành lập, chi phí trả trợ cấp mất việc và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Tiền thuê văn phòng thể hiện tiền thuê văn phòng đã trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm; Riêng các công cụ, dụng cụ là coffa, cừ,.. sử dụng cho hoạt động thi công xây dựng thủy lợi được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo quyết toán chi phí công trình.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cô tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các

Bản Thuyết minh này là một phần hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

11. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chi tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	153.948.348	84.173.686
Tiền gửi ngân hàng	7.089.999.551	6.047.086.377
Cộng	<u>7.243.947.899</u>	<u>6.131.260.063</u>

2. Phải thu của khách hàng

Công ty CP QL & XD Đường Bộ Khánh Hòa	149.016.657	1.098.429.027
Công ty CP Đầu Tư VCN	-	483.122.930
Công ty TNHH TM DV - Xây Dựng Khánh Vĩnh	220.229.408	886.944.895
Công ty TNHH SX - TM - XNK Đại Hưng Phát	585.121.603	585.121.603
Công ty CP XD & TM Á Đông	-	665.929.487
Công ty CP Xây Dựng Vận Tải CMQ	-	1.112.346.000
Các đối tượng khác	5.675.546.683	2.314.459.438
Cộng	<u>6.629.914.351</u>	<u>7.146.353.380</u>

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

Công ty CP Điện Lực Khánh Hòa	1.250.129.983	12.520.000
Cộng	<u>1.250.129.983</u>	<u>12.520.000</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt	24.000.000	22.000.000
Công ty CP kỹ Thuật Nền Móng	-	509.374.000
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp HSTC	-	6.720.000
Trung tâm Dịch vụ Y Tế	-	41.930.000
Các đối tượng khác	87.720.000	90.287.273
Cộng	111.720.000	670.311.273

4. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a) Ngắn hạn	326.221.159	-	373.939.139	-
Tạm ứng nhân viên	38.000.000	-	85.000.000	-
Phải thu thuế TNCN người lao động	242.170.159	-	240.763.899	-
Các khoản phải thu khác	46.051.000	-	48.175.240	-
b) Dài hạn	18.338.000	-	18.338.000	-
Đặt cọc tiền thuê VP	18.338.000	-	18.338.000	-
Cộng	344.559.159	-	392.277.139	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty TNHH SX TM XNK Đại Hưng Phát	585.121.603	-	585.121.603	-	-	-
Công ty TNHH MTV ACC Nha Trang	42.314.629	12.694.389	29.620.240	-	-	-
Xí nghiệp xây lắp 10 - Tổng Cty 319	290.019.854	-	290.019.854	-	-	-
Công ty CP Xây Lắp và Cơ Khí Phương Nam	5.450.128	1.635.038	3.815.090	-	-	-
Công ty TNHH ĐTXD Phương Huy	42.956.067	30.069.247	12.886.820	-	-	-
Công ty CPĐT và XD Cầu Đường 18.6	8.705.070	4.352.535	4.352.535	-	-	-
Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Và Dịch Vụ - Vinacomin	1.099.859.200	769.901.440	329.957.760	-	-	-
Công ty TNHH ĐT & XD Tân Nam Giang	270.115.840	-	270.115.840	270.115.840	-	270.115.840
DNTN Quốc tiến	200.695.890	-	200.695.890	200.695.890	-	200.695.890
Công ty CP Xây Dựng Tổng hợp Nha Trang	220.687.273	-	220.687.273	280.687.273	-	280.687.273
Cộng	2.765.925.554	818.652.649	1.947.272.905	751.499.003	-	751.499.003

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(751.499.003)	(2.670.572.282)
Trích lập dự phòng trong năm	(1.255.773.902)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	60.000.000	199.036.733
Xóa nợ trong năm	-	1.720.036.546
Số cuối năm	(1.947.272.905)	(751.499.003)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.822.703.469	-	1.906.524.354	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	4.829.395.320	-	4.326.353.782	-
Hàng hoá	701.766.188	-	451.613.004	-
Cộng	7.353.864.977	-	6.684.491.140	-

7. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	160.391.340	299.890.941
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	8.487.878
Chi phí sửa chữa	18.209.350	104.792.004
Các chi phí trả trước ngắn khác	142.181.990	186.611.059
b) Dài hạn	159.169.933	707.969.387
Chi phí công cụ, dụng cụ	60.228.850	77.847.038
Chi phí sửa chữa	54.479.875	340.264.321
Các chi phí trả trước dài hạn khác	44.461.208	289.858.028
Cộng	319.561.273	1.007.860.328

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	14.577.455.269	26.497.693.572	5.853.427.700	46.928.576.541
Tăng trong năm	-	346.393.443	-	346.393.443
Mua sắm mới	-	346.393.443	-	346.393.443
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	14.577.455.269	26.844.087.015	5.853.427.700	47.274.969.984

Trong đó:

Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Số đầu năm	39.159.515	15.122.837.786	5.123.150.520	20.285.147.821
Số cuối năm	39.159.515	15.122.837.786	5.123.150.520	20.285.147.821

Giá trị hao mòn lũy kế

Số đầu năm	6.727.156.033	19.815.714.055	5.536.822.070	32.079.692.158
Tăng trong năm	689.693.184	1.497.396.935	91.284.660	2.278.374.779
Khấu hao trong năm	689.693.184	1.497.396.935	91.284.660	2.278.374.779
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	7.416.849.217	21.313.110.990	5.628.106.730	34.358.066.937

Giá trị còn lại

Số đầu năm	7.850.299.236	6.681.979.517	316.605.630	14.848.884.383
Số cuối năm	7.160.606.052	5.530.976.025	225.320.970	12.916.903.047

Trong đó:

GTCL của TSCĐ đang thế chấp đảm bảo nợ vay ngân hàng

Số đầu năm	7.208.022.267	351.231.046	-	7.559.253.313
Số cuối năm	6.630.020.108	258.088.837	-	6.888.108.945

Như trình bày tại Thuyết minh số V.14, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị tại Nhà máy bê tông ly tâm ứng trước lực Khánh Hòa tại lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 6.888.108.945 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 7.559.253.313 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Khánh Hòa.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bảng sáng chế và thương hiệu	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271
Số cuối năm	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271

Trong đó:

Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Số đầu năm	-	130.000.000	130.000.000
Số cuối năm	-	130.000.000	130.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Bảng sáng chế và thương hiệu	Cộng
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	667.720.881	130.000.000	797.720.881
Tăng trong năm	63.592.464	-	63.592.464
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>63.592.464</i>	-	<i>63.592.464</i>
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	731.313.345	130.000.000	861.313.345
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.511.902.390	-	2.511.902.390
Số cuối năm	2.448.309.926	-	2.448.309.926
<i>Trong đó:</i>			
<u>GTCL của TSCĐ đang thế chấp đảm bảo nợ vay ngân hàng</u>			
Số đầu năm	2.511.902.390	-	2.511.902.390
Số cuối năm	2.448.309.926	-	2.448.309.926

Như trình bày tại Thuyết minh số V.14, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 khoảng 2.448.309.926 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 khoảng 2.511.902.390 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Khánh Hòa.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Sáu Sang	96.976.000	96.976.000	105.558.750	105.558.750
Công ty CP Thiên Phú Phát	137.921.201	137.921.201	119.484.607	119.484.607
Công ty TNHH DV Minh Trâm	66.729.500	66.729.500	146.606.500	146.606.500
Công ty TNHH MTV Chánh Hằng - CN Nha Trang	55.711.200	55.711.200	293.773.500	293.773.500
Các đối tượng khác	1.932.914.300	1.932.914.300	310.814.750	310.814.750
Cộng	2.290.252.201	2.290.252.201	976.238.107	976.238.107
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty CP bê tông ly tâm An Giang			446.319.000	-
Cộng			446.319.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH XD & ĐT Tài Chính Nam Việt	-	231.749.987
Tổng Công ty CP 36	-	392.709.023
CN Tổng Công ty Xây Dựng Công Trình Hàng Không ACC Tại Đà Nẵng	-	163.000.000
Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Và Dịch Vụ - Vinacomin	-	1.500.000.000
Công ty CP Đầu Tư VCN	300.120.000	-
Công ty TNHH TV Thiết Kế Và XD Hưng Phát	131.585.000	-
Các đối tượng khác	195.733.350	224.630.995
Cộng	<u>627.438.350</u>	<u>2.512.090.005</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ cung cấp dịch vụ trong nước	162.759.277	2.076.045.507	(1.661.153.222)	577.651.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(262.375.766)	483.228.784	(112.651.803)	108.201.215
Thuế thu nhập cá nhân	87.979.567	122.993.803	(155.955.919)	55.017.451
Tiền thuê đất	-	85.361.100	(85.361.100)	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	1.658.094	(1.658.094)	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>(11.636.922)</u>	<u>2.772.287.288</u>	<u>(2.019.780.138)</u>	<u>740.870.228</u>

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	262.375.766	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>250.738.844</u>	<u>740.870.228</u>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thu : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- Hàng bán trong nước : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	67.921.473
Chi phí dịch vụ phải trả	-	28.219.610
Cộng	-	96.141.083

14. Phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	8.820.266	27.033.360
Tiền thuế TNCN	-	1.410.750
Phí đầu tư cơ sở hạ tầng khu CN Đặc Lộc	697.435.688	697.435.688
Cộng	706.255.954	725.879.798

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay và nợ tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa	5.822.326.777	5.822.326.777	-	5.822.326.777	-	-
Cộng	5.822.326.777	5.822.326.777	-	5.822.326.777	-	-

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/2525898 ngày 08 tháng 7 năm 2020, hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng và 4 tháng cho từng khoản vay. Khoản vay này chịu lãi suất 6,5%/năm (năm 2019: 6,5%/năm), được thanh toán vào ngày 25 của mỗi tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cụ thể như sau:

- Thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy bê tông ly tâm ứng trước lực Khánh Hòa tại lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐTC ngày 01/7/2013
- Thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Nhà máy bê tông ly tâm ứng trước lực Khánh Hòa tại lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2013/HĐTC ngày 01/7/2013
- Thế chấp, cầm cố các tài sản khác của bên vay/ bên thứ ba (nếu có) và các biện pháp đảm bảo bổ sung, thay thế
- Thế chấp toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên được cấp tín dụng tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác
- Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đã thanh toán hết dư nợ vay cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa, tuy nhiên Hợp đồng tín dụng số 01/2020/2525898 ngày 08 tháng 7 năm 2020 và các hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo kèm theo vẫn có hiệu lực, để đảm bảo việc huy động vốn của Ngân hàng khi cần thiết trong năm 2021.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	201.905.224	260.213.708
Trích lập quỹ trong năm	36.439.960	901.991.516
Điều chỉnh giảm do năm trước trích vượt	(100.000.000)	-
Giảm khác	(189.378)	-
Chi quỹ trong năm	(137.500.000)	(960.300.000)
Số cuối năm	<u>655.806</u>	<u>201.905.224</u>

17. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư Phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước				
Số đầu năm trước	15.000.000.000	13.225.124.212	2.701.991.516	30.927.115.728
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	886.439.960	886.439.960
Chia cổ tức năm trước	-	-	(2.700.000.000)	(2.700.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(700.000.000)	700.000.000	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(901.991.516)	(901.991.516)
Số cuối năm trước	<u>15.000.000.000</u>	<u>12.525.124.212</u>	<u>686.439.960</u>	<u>28.211.564.172</u>
Năm nay				
Số đầu năm nay	15.000.000.000	12.525.124.212	686.439.960	28.211.564.172
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	2.550.206.247	2.550.206.247
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Điều chỉnh do trích lập dự quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước	-	-	100.000.000	100.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(36.439.960)	(36.439.960)
Số cuối năm nay	<u>15.000.000.000</u>	<u>12.525.124.212</u>	<u>2.550.206.247</u>	<u>30.075.330.459</u>

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200742214 ngày 20 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ đông	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	31	4.650.000.000	4.650.000.000
Công ty CP bê tông ly tâm An Giang	3.900.000.000	26	3.900.000.000	3.900.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	6.450.000.000	43	6.450.000.000	6.450.000.000
Cộng	15.000.000.000	100	15.000.000.000	15.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.500.000</i>	<i>1.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.500.000</i>	<i>1.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 số 06/2020/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức cho các cổ đông	750.000.000	2.700.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(700.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	36.439.960	901.991.516
Cộng	786.439.960	2.901.991.516

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

Công ty đã tiến hành xóa nợ đối với các khoản phải thu khách hàng đã trích lập 100% dự phòng nợ phải thu khó đòi nhưng sau 3 năm vẫn chưa thu hồi được nợ, cụ thể như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH XD Thịnh Hoàng	VND	619.136.760	619.136.760
Công ty TNHH TV Kiến Trúc Xây dựng ADC	VND	138.062.504	138.062.504
Công ty CP ĐT & XD HUD 3	VND	409.658.812	409.658.812
Công ty CP ĐT & XD HUD 1.02	VND	553.178.470	553.178.470
Công ty TNHH MTV Điện tử Ngân Thanh	VND	42.016.808	42.016.808
Công ty CP TV Quản Lý XD CMC	VND	28.741.232	28.741.232
Công ty TNHH TV & XD Hải Long	VND	252.097.302	252.097.302
Cộng		2.042.891.888	2.042.891.888

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	2.981.849.374	1.918.622.448
Doanh thu bán các thành phẩm	41.143.440.941	39.481.674.580
Doanh thu cung cấp cọc	3.355.160.659	4.589.244.095
Doanh thu nguyên vật liệu phụ	129.334.461	104.763.651
Doanh thu dịch vụ & ép cọc	3.867.352.067	2.353.283.390
Cộng	51.477.137.502	48.447.588.164
b) Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	2.188.072.715	1.910.861.820
Cộng	2.188.072.715	1.910.861.820

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm giá hàng bán	218.176	-
Hàng bán bị trả lại	182.060.000	14.075.000
Cộng	182.278.176	14.075.000

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa	2.367.048.052	1.110.507.438
Giá vốn thành phẩm bê tông ly tâm	32.051.416.710	33.808.093.204
Giá vốn cung cấp cọc thi công	3.031.209.790	4.738.301.754
Giá vốn nguyên vật liệu phụ	92.461.450	70.784.521
Giá vốn dịch vụ ép cọc	3.862.489.272	1.988.830.818
Cộng	41.404.625.274	41.716.517.735

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.486.973	5.704.126
Cộng	10.486.973	5.704.126

5. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	71.385.821	265.766.695
Cộng	71.385.821	265.766.695

6. Chi phí bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.653.518.812	2.842.915.496
Chi phí bằng tiền khác	720.907.402	263.116.365
Cộng	3.374.426.214	3.106.031.861

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	965.326.866	940.939.002
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.490.531	7.905.302
Chi phí khấu hao	-	48.740.610
Thuê, phí và lệ phí	27.618.717	147.607.363
Chi phí dự phòng	1.195.773.902	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.714.121	137.686.684
Chi phí bằng tiền khác	1.112.913.831	788.372.796
Cộng	3.420.837.968	2.071.251.757

8. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	36.833	27.170.050
Thu nhập khác	36.833	27.170.050
Chi phí khác	672.824	65.826.156
Các khoản bị phạt	11.658	65.826.156
Chi phí khác	661.166	-
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(635.991)	(38.656.106)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	3.033.435.031	1.240.993.136
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	418.199.137	145.653.988
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>120.000.000</i>	<i>80.000.000</i>
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>298.199.137</i>	<i>65.653.988</i>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển (nếu có)	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	3.451.634.168	1.386.647.124
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	690.326.834	277.329.425
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	(207.098.050)	-
Thuế TNDN truy thu qua thanh tra 05 năm 2010-2015	-	77.223.751
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	483.228.784	354.553.176

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2019: 20%) trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 theo khoản 1 điều 2 Nghị quyết Quốc hội số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.550.206.247	886.439.960
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(136.439.960)
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.550.206.247	750.000.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.700	500

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.550.206.247	886.439.960
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(136.439.960)
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	2.550.206.247	750.000.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	1.500.000	1.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.700	500

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.755.179.134	26.176.221.507
Chi phí nhân công	10.204.458.669	10.094.677.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.341.967.243	2.471.419.431
Chi phí dự phòng	1.195.773.902	-
Chi phí dịch vụ hoạt động ép cọc	3.862.489.272	2.008.037.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.859.461.678	5.344.120.395
Chi phí khác bằng tiền	3.726.621.245	3.041.407.284
Cộng	49.945.951.143	49.135.884.398

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan*****Giao dịch với các bên liên quan***

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP điện lực Khánh Hòa

Công ty CP bê tông ly tâm An Giang

Mối quan hệ

Công ty liên kết (tỷ lệ vốn góp là 31%)

Công ty liên kết (tỷ lệ vốn góp là 26%)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty CP điện lực Khánh Hòa</i>		
Bán hàng	2.406.879.989	2.101.947.995
Mua hàng	46.607.273	51.268.000
Trả cổ tức	232.500.000	837.000.000
<i>Công ty CP bê tông ly tâm An Giang</i>		
Mua hàng	1.353.246.956	44.000.000
Trả cổ tức	195.000.000	702.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty CP điện lực Khánh Hòa</i>		
Phải thu tiền bán hàng	1.250.129.983	12.520.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Công ty CP bê tông ly tâm An Giang			
Phải trả tiền hàng	446.319.000	-	
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt			
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:			
Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Duy Cửu	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	TV HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Võ Trị	TV HĐQT	-	40.000.000
Ông Phạm Ngọc Quang	TV HĐQT	48.000.000	8.000.000
Bà Đào Thị Hồng Thịnh	Thư ký HĐQT	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS	48.000.000	48.000.000
Ông Trịnh Giang Nam	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Bà Phan Thị Vân Hà	Thành viên BKS	24.000.000	4.000.000
Ông Phan Đắc Văn	Thành viên BKS	-	20.000.000
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc	352.457.143	574.162.088
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	235.971.429	376.751.392
Ông Võ Trị	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	235.971.429	367.470.623
Cộng		1.112.400.000	1.606.384.103

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	-	5.822.326.777
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.243.947.899	6.131.260.063
Nợ thuần	(7.243.947.899)	(308.933.286)
Vốn chủ sở hữu	30.075.330.460	28.211.564.172
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	(0,24)	(0,01)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.243.947.899	7.243.947.899	6.131.260.063	6.131.260.063
Phải thu của khách hàng	6.629.914.351	6.629.914.351	7.146.353.380	7.146.353.380
Phải thu khác	326.221.159	326.221.159	373.939.139	373.939.139
Cộng	14.200.083.409	14.200.083.409	13.651.552.582	13.651.552.582
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.290.252.201	2.290.252.201	976.238.107	976.238.107
Chi phí phải trả	-	-	96.141.083	96.141.083
Phải trả khác	697.435.688	697.435.688	698.846.438	698.846.438
Các khoản vay	-	-	5.822.326.777	5.822.326.777
Cộng	2.987.687.889	2.987.687.889	7.593.552.405	7.593.552.405

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng...).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc lộc - Xã Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.243.947.899	-	-	7.243.947.899
Phải thu của khách hàng	6.629.914.351	-	-	6.629.914.351
Phải thu khác	326.221.159	-	-	326.221.159
Cộng	14.200.083.409	-	-	14.200.083.409
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.290.252.201	-	-	2.290.252.201
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	697.435.688	-	-	697.435.688
Các khoản vay	-	-	-	-
Cộng	2.987.687.889	-	-	2.987.687.889
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.212.395.520	-	-	11.212.395.520
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.131.260.063	-	-	6.131.260.063
Phải thu của khách hàng	7.146.353.380	-	-	7.146.353.380
Phải thu khác	373.939.139	-	-	373.939.139
Cộng	13.651.552.582	-	-	13.651.552.582
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	976.238.107	-	-	976.238.107
Chi phí phải trả	96.141.083	-	-	96.141.083
Phải trả khác	698.846.438	-	-	698.846.438
Các khoản vay	5.822.326.777	-	-	5.822.326.777
Cộng	7.593.552.405	-	-	7.593.552.405
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.058.000.177	-	-	6.058.000.177

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 Khu CN Đặc lộc - Xã.Vĩnh Phương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được phân loại lại phù với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi tiết như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Năm trước (Được phân loại lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	458	42	500
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	458	42	500

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc

Võ Trí
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu

